

Bản án số: 61/2026/HS-ST
Ngày: 02/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hiếu
- Bà Đặng Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 393/2025/TLST-HS ngày 12/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST-HS ngày 16/01/2026, đối với bị cáo:

Phạm Thị Tuyết N; sinh ngày 07 tháng 5 năm 2005, tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: T, xã P (nguyên là thị trấn P, huyện P), tỉnh An Giang; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định.; nghề nghiệp: Nhân viên spa; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Hữu L; và bà: Trương Thị T; chưa có chồng con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 16/3/2025. (Có mặt)

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh năm: 1987, địa chỉ: Khu phố T, xã C, tỉnh Tây Ninh (nguyên là thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Trọng N2, sinh năm 1973, địa chỉ: A Lô O, Chung cư N, phường V (nguyên là Phường B, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)
- Bà Huỳnh Đỗ Hồng N3, sinh năm 2006, địa chỉ: 2 S, phường V (nguyên là Phường B, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)
- Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1887, địa chỉ: A Lô N, Chung cư N, phường V (nguyên là Phường B, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2024, Phạm Thị Tuyết N được nhận vào làm việc tại tiệm E, địa chỉ: D L, phường B (nguyên là phường B, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh, do bà Nguyễn Thị Ngọc N1 là chủ. Vào khoảng 13 giờ 50 phút ngày 28/02/2025, bà Ngọc N1 cùng nhân viên là Trần Thị Huỳnh N4 và Phạm Thị Tuyết N khiêng tủ trang điểm từ tầng 6 xuống tầng 5 bằng cầu thang bộ. Trong lúc di chuyển, do tủ bị nghiêng, ngăn tủ phía trên bên trái bật ra, để lộ một sợi dây chuyền vàng. Cả Như và Tuyết N đều nhìn thấy. Sau đó, Tuyết N đóng ngăn tủ lại, cả hai tiếp tục khiêng xuống tầng 5.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, lợi dụng lúc không có người để ý, Tuyết N đã xuống tầng 5, mở ngăn tủ và lén lút lấy sợi dây chuyền vàng, cho vào túi của chiếc váy đang mặc. Khoảng 23 giờ cùng ngày, sau khi hết ca làm việc, Tuyết N rời khỏi S mang theo tài sản trộm được.

Ngày 01/3/2025, khi kiểm tra tài sản, Tuyết Ngân phát hiện trong sợi dây chuyền có quần kèm theo một chiếc nhẫn đính hôn màu hồng. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Tuyết N mang dây chuyền và nhẫn đến tiệm V (số B H, phường V (nguyên là Phường B, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh), do ông Trần Trọng Nghĩa L1 chủ, để bán. Tại đây, N gặp 02 nhân viên của tiệm là Huỳnh Đỗ Hồng N3, Nguyễn Ngọc H để trao đổi bán số vàng nêu trên, trong đó N3 là người trao đổi với Tuyết N, H là người kiểm tra vàng. Khi trao đổi, N nói đây là vàng mua ở một tiệm khác, không có hóa đơn chứng từ, nay không có nhu cầu sử dụng nên bán. Tiệm vàng đồng ý thu mua hai món trên với tổng số tiền 23.680.000 đồng, số tiền này sau đó được chuyển vào tài khoản số 089305002755 tên Phạm Thị Tuyết N mở tại Ngân hàng TMCP X (E1).

Sau khi phát hiện mất tài sản, ngày 03/3/2025, bà Ngọc N1 đến Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo sự việc. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 8026/KLĐG-HĐĐGTS ngày 02/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 01 (Một) sợi dây chuyền vàng có gắn mặt bằng vàng 999, trọng lượng 03 chỉ, trị giá 27.190.000 đồng tại thời điểm ngày 28/2/2025

- 01 (Một) nhẫn vàng 18K, trọng lượng 5 phân, trị giá 3.349.350 đồng tại thời điểm ngày 28/2/2025

Tổng cộng trị giá tài sản là 30.539.350 đồng, tính tròn là 30.539.000 đồng

Kết luận giám định số 3980/KL-KTHS ngày 31/03/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chữ ký, chữ viết họ tên Phạm Thị Tuyết N trên bản kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn của tiệm V so sánh với mẫu chữ viết và chữ ký của bị can Phạm Thị Tuyết N ngày 18/3/2025 là do cùng một người ký và viết ra.

Kết luận giám định số 3981/KL-KTHS ngày 30/4/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) – Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 (một) đầu ghi hình camera hiệu HIKVISION dán giấy có hình dấu tròn của Công an phường B – Công an Thành

phố H, số kiểu máy “DS-7616NXI-K1”, số serial: “FE6065096”, bên trong chứa 01 (một) ổ cứng HDD hiệu Western DIGITAL, dung lượng 2TB, số serial “WX52D24R9FZF”. Không trích xuất được dữ liệu của ngày 28/02/2025. Không xác định được dữ liệu của ngày 28/02/2025 có bị xóa hay không và xóa vào thời gian nào.

Kết luận giám định số 3982/KL-KTHS ngày 27/3/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H kết luận: 01 (một) đoạn video thu hồi từ dữ liệu camera của tiệm V ghi nhận lúc bị can Phạm Thị Tuyết N đi bán nhẫn và dây chuyền, định dạng “MP4. Video file.mp4” kích cỡ 36.658KB. Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tập tin video. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Phạm Thị Tuyết N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, đối với số tiền 23.680.000 đồng, Tuyết N đã sử dụng 10.332.000 đồng vào mục đích cá nhân, còn lại 13.348.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ. Lời khai của Tuyết N phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc N1, ông Trần Trọng N2, lời khai của những người liên quan, biên bản đối chất, biên bản nhận dạng, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận định giá, kết luận giám định, biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản kiểm tra camera, sao kê tài khoản ngân hàng, bản ảnh, cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H thu thập được. Đối với các ông bà Trần Trọng N2, Huỳnh Đỗ Hồng N3, Nguyễn Ngọc H có hành vi mua nhẫn, dây chuyền vàng của bị can Tuyết N. Khi mua, ông N2, bà N3 và ông H không biết đây là tài sản do bị can Tuyết N trộm cắp mà có. Ông N2 đã tự nguyện giao nộp lại tài sản mà bị can Tuyết N chiếm đoạt cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý đối với ông N2, ông N3 và ông H là có căn cứ.

* Vật chứng: - 01 (một) khối kim loại bằng hợp kim vàng có kích thước khoảng (04cm x 0,75 cm) thu giữ từ ông Trần Trọng Nghĩa L1 hợp kim vàng được Tuyết Ngân bán cho cửa hàng T1. - Số tiền mặt 13.348.000 đồng là tiền N bán chiếc dây chuyền và nhẫn vàng của bà Ngọc N1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã xử lý hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc N1 các vật chứng nêu trên (Bút lục 114, 125). - 01 (một) USB chứa file camera ghi nhận hình ảnh lúc bị can N1 đi bán nhẫn và dây chuyền tại tiệm V (kèm theo hồ sơ). Tạm giữ của Phạm Thị Tuyết N:

- 01 áo khoác màu xám; 01 nón bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu đen; 01 quần màu trắng sọc đen là trang phục Tuyết Ngân mặc khi đi bán dây chuyền và nhẫn vàng tại tiệm V.

- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 11, số imei 1: 353969108827329, số imei 2: 35396910882732.

Các vật chứng hiện đang được tạm giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng số 5163/LNK-VPCQCSĐT(Q1) ngày 03/4/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 114-115).

Trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Ngọc N1 đã đồng ý nhận lại khối kim loại hợp kim vàng và số tiền 13.348.000 đồng do Tuyết Ngân bồi thường, có đơn bãi nại cho Tuyết N, không có yêu cầu dân sự gì khác. Ông Trần Trọng N2, không yêu cầu Tuyết N hoàn trả lại số tiền 23.680.000 đồng (Bút lục 105-106, 112, 125A).

Bản Cáo trạng số 121/CT-VKSKV1 ngày 09/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Thị Tuyết N về tội “Trộm cắp

tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Phạm Thị Tuyết N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị Tuyết N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, cùng tình tiết giảm nhẹ lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề xử phạt bị cáo 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, không phạt tiền bổ sung.

Về phần dân sự đã giải quyết xong. Vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 11, số imei 1: 353969108827329, số imei 2: 35396910882732, là tài sản cá nhân của bị cáo N, cần trả lại cho bị cáo; 01 áo khoác màu xám; 01 nón bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu đen; 01 quần màu trắng sọc đen, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Phạm Thị Tuyết N không tranh luận, bào chữa. Bị cáo Phạm Thị Tuyết N nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị Tuyết N phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định bị cáo Phạm Thị Tuyết N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản. Tài sản chiếm đoạt của bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc N1 là sợi dây chuyền có quần kèm theo một chiếc nhẫn đính hôn vuông màu hồng, trị giá 30.539.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Phạm Thị Tuyết N đã phạm “Tội trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và nêu gương phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại đã bãi nại cho bị cáo, đây là tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc N1 đã nhận lại khối kim loại hợp kim vàng và số tiền 13.348.000 đồng thu giữ của bị cáo, có đơn bãi nại cho bị cáo, không có yêu cầu dân sự gì khác. Ông Trần Trọng N2, không yêu cầu Tuyết N hoàn trả lại số tiền 23.680.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 11, số imei 1: 353969108827329, số imei 2: 35396910882732 là tài sản cá nhân của bị cáo N, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

- 01 áo khoác màu xám; 01 nón bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu đen; 01 quần màu trắng sọc đen không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) USB chứa file camera ghi nhận hình ảnh lúc bị can N đi bán nhẫn và dây chuyền tại tiệm V, tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ.

[5] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Tuyết N 01 (Một) năm tù, về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2025.

Tiếp tục tạm giam Phạm Thị Tuyết N để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 42 (Bốn mươi hai) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác màu xám; 01 nón bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu đen; 01 quần màu trắng sọc đen.

+ Trả cho bị cáo Phạm Thị Tuyết N: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 11 màu tím, số imei 1: 353969108827329, số imei 2: 35396910882732.

(Lệnh nhập kho vật chứng số 5163/LNK-VPCQCSĐT(Q1) ngày 03/4/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra [HYPERLINK \l "link">\o "Công an Thành phố Hồ Chí Minh"](#)Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bị cáo Phạm Thị Tuyết N chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND khu vực 1 - TP.HCM; (3)
- TAND TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP.HCM; (2)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (3)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Phòng THADS khu vực 1 - TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Sở tư pháp; (1)
- Đường sự; (4)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/26) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn